

Máy đo cáp quang OTDR đa chức năng VO6000

Dòng máy OTDR VO6000 là thiết bị đo quang học đa chức năng với màn hình màu 5,6 inch, hoạt động đồng thời với màn hình cảm ứng và phím bấm. Thiết bị tích hợp đo OTDR, Bản đồ sự kiện trực quan, phát ánh sáng đỏ, kiểm tra công suất quang, phát công suất quang, kiểm tra suy hao quang, kiểm tra bề mặt connector...; Ngoài ra thiết bị còn được trang bị khả năng quản lý năng lượng thông minh với thời gian chờ lên tới 12 tiếng, đảm bảo làm việc hiệu quả

Thiết bị sử dụng để đo chiều dài, suy hao, chất lượng kết nối và các thông số khác của nhiều loại dây/cáp quang. Thiết bị có thể sử dụng để kiểm tra khi thi công, sửa chữa cáp sợi quang, nghiên cứu và đo lường trong sản xuất cáp sợi quang chất lượng, với độ chính xác cao

Chống va đập: cao su chịu lực

Chống bụi: IP5x,

Chống nước: IPx2



Thông số kỹ thuật VO6000

Model	VO6000 OTDR													
	S1	S2	S3	S4	T1	T2	T3	T4	T5	T6	F1	M1	SM1	SM2
Loại sợi	SM											MM	SM/MM	
Bước sóng	1310/1550nm				1310nm /1490nm /1550nm		1310nm /1550nm /1625nm		1310nm /1550nm /1650nm		1310nm /1490nm /1550nm /1625nm	850nm/ 1300nm	850nm /1300nm /1310nm /1550nm	
Dải động tối đa (dB)	35 /33	38 /36	42 /40	45 /43	32 /30 /30	37 /35 /35	32 /30 /30	37 /35 /35	32 /30 /30	37 /35 /35	37 /35 /35 /33	26 /28	26 /28 /35 /33	26 /28 /37 /35
Vùng chết sự kiện	1m	0.8m										1m		
Vùng chết suy hao	6m	6m										6m		
Khoảng đo	500m/1km/2km/4km/8km/16km/32km/64km/128km/256km													
Độ rộng xung	3ns/5ns/10ns/30ns/50ns/80ns/160ns/320ns/500ns/800ns/1000ns/3000ns/5000ns/8000ns/10000ns/20000ns													
Khoảng chính xác	±（0.75m+ Khoảng lấy mẫu +0.005%×Khoảng cách đo）													
Độ chính xác suy hao	±0.05dB/dB													
Độ phân giải suy hao	0.001dB													
Số điểm mẫu	16k~256k													
Độ phân giải mẫu	0.05m~16m													
Độ chính xác phản xạ	±3dB													
Định dạng tệp	SOR (định dạng chuẩn)													
Đơn vị khoảng vượt	Km, mi, kft													
Phân tích suy hao	Phương pháp 4 điểm/5 điểm													
Mức an toàn laser	Class 2													
Tần số quét	3Hz (Typ.)													
Lưu dữ liệu	Bộ nhớ trong: 100M（≤ 3000 đồ thị），Có thể nâng lên 4GB hoặc 8GB；Bộ nhớ ngoài: 4GB													
Giao diện quang học	FC/UPC（SC, ST có thể thay đổi）													
Giao thức mạng	USB, Mini-USB, Cáp Ethernet 10M/100M													

Model	PON OTDR						
	PD1	PS1	PS2	PT1	PT2	PT3	PT4
Bước sóng	1310nm±20nm 1550nm±20nm	1625nm±20nm (Filtered)	1650nm±5nm (Filtered)	1310nm/1550nm±20nm 1625nm±15nm (Filtered)			1310nm/1550nm±20nm 1650nm±5nm (Filtered)
Bộ lọc	/	High Pass >1595nm Isolation>50dB (1270~1585nm)	Band pass 1650nm±7nm Isolation>50dB (1650nm±7nm)	High Pass >1595nm, Isolation>50dB (1270nm~1585nm)			Band pass 1650nm±7nm, Isolation>50dB (1650nm±10nm)
Loại sợi	G652						
Dải động tối đa (dB)	37/35	38	38	38/36/36	40/38/38	42/40/40	38/36/36
Vùng chết sự kiện	1m	0.8m					
Vùng chết suy hao	6m						
Vùng chết PON	30m						
Khoảng đo	500m/1km/2km/4km/8km/16km/32km/64km/128km/256km						
Độ rộng xung	3ns/5ns/10ns/30ns/50ns/80ns/160ns/320ns/500ns/800ns/1000ns/3000ns/5000ns/8000ns/10000ns/20000ns						
Khoảng chính xác	±（0.75m+ Khoảng lấy mẫu +0.005 %×Khoảng cách đo）						
Độ phân giải suy hao	0.001dB						
Độ chính xác suy hao	±0.05dB/dB						
Số điểm mẫu	16k~256k						
Độ phân giải mẫu	0.05m~16m						
Độ chính xác phản xạ	±3dB						
Định dạng file	SOR (định dạng chuẩn)						
Phân tích suy hao	Phương pháp 4 điểm/5 điểm						
Mức an toàn laser	Loại 2						
Tần số quét	3Hz						
Lưu dữ liệu	Bộ nhớ trong: 100M（≤3000 đồ hình; Bộ nhớ ngoài: 4GB						
Giao diện quang học	FC/APC（SC, ST có thể thay đổi）						
Giao thức mạng	USB, Mini-USB, Cáp Ethernet 10M/100M						
OPM							
Dải bước sóng	800nm~1700nm						
Đầu nối	FC/SC/ST						
Dải đo	-50dBm~+26dBm						
Độ bất ổn định	±5%						
Hiệu chuẩn bước sóng	850nm/980nm/1300nm/1310nm/1490nm/1550nm/1625nm/1650nm						
LS							
Bước sóng	Đồng nhất với bước sóng OTDR						
Nguồn laser	FP-LD						
Đầu nối	FC/UPC（SC, ST có thể thay đổi）						
Công suất ra	≥-5dBm						
Độ ổn định	CW, ±0.5dB/15min（Thử nghiệm sau khi khởi động làm nóng 15 phút）						
VFL							
Bước sóng	650nm±20nm						
Công suất ra	≥10mW						
Chế độ	CW/1Hz/2Hz						
Đầu nối	FC/UPC（SC, ST có thể thay đổi）						
Thông số suy hao quang phụ thuộc nguồn sáng và thông số đo công suất quang.							

Thông số chung	
Màn hình	Màn hình màu cảm ứng LCD 5.6 inch
Nguồn điện	AC:100V~240V, 50/60Hz, 0.6A; DC: 12V~19V, 1.5A; Pin Lithium: 7.4V, 5200mAh (12h làm việc)
Nhiệt độ làm việc	-10°C~+50°C
Nhiệt độ bảo quản	-40°C~+70°C
Độ ẩm tương đối	0~95%, Không ngưng tụ
Khối lượng	≤ 1.2kg
Kích thước	227mm×160mm×70mm

Danh mục phụ kiện kèm theo thiết bị

NO.	Tên bộ phận	Số lượng	Ghi chú
1	Thân máy	1	
2	Nguồn AC/DC	1	
3	Dây truyền dữ liệu	1	
4	Đầu nối quang SC	1	
5	CD-ROM hoặc thẻ TF (chứa Phần mềm phân tích/Hướng dẫn sử dụng)	1	Tùy thuộc nội dung gốc
6	Hướng dẫn sử dụng	1	
7	RJ45 Tracker (bút kiểm tra mạng)	1	
8	Chứng nhận bảo hành	1	
9	Chứng nhận hiệu chỉnh	1	
10	Bông thấm côn	10	
11	Túi đựng thiết bị	1	

Lưu ý: Connector mặc định là FC/UPC, có thể điều chỉnh sang FC/APC.

Danh mục thiết bị trên có thể thay đổi không báo trước, dựa trên nhu cầu cải thiện nếu cần.